

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-PT

Ngày 11/4/2018

V/v: Tranh chấp
về chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Huy Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Bà Hoàng Lan Phương.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Ngọc Sơn. Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2018/DSPT ngày 05/3/2018 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/HNGĐ - ST ngày 25/01/2018 của Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Cụ Lê Thị M - sinh năm 1922.

Địa chỉ: Thôn ..., xã H.C, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Lê Tiến L - sinh năm 1955 theo giấy ủy quyền ngày 30/3/2018.

Địa chỉ: Thôn..., xã H.C, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

II. Bị đơn: Anh Lê Tiến C - sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn ..., xã H.C, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

III. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Tiến L - Sinh năm 1955.

2. Ông Lê Tiến T - Sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Thôn ..., xã H.C, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bà Lê Thị T - Sinh năm 1960.

4. Anh Lê Tiến D - Sinh năm 1972.

5. Anh Lê Tiến V - Sinh năm: 1976

Cùng địa chỉ: Thôn ..., xã H.C, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

6. Chị Lê Thị Q - Sinh năm : 1973

Địa chỉ: Thôn T.T, xã H.P, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

* **Người kháng cáo:** Bị đơn anh Lê Tiến C.

Tại phiên tòa, có mặt các đương sự, vắng mặt anh Lê Tiến V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo nguyên đơn trình bày:

Cụ M và chồng là cụ ông Lê Tiến T sau khi cưới có tạo lập được một mảnh đất tại thôn 7 xã H.C, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1970 cụ Lê Tiến T qua đời không để lại di chúc, đến năm 1985 thửa đất cụ đang ở được nhà nước lập bản đồ số 299/Ttg, là thửa 345, tờ bản đồ số 01, diện tích 231m², thuộc đất thổ cư mang tên chủ sử dụng là Lê Thị M.

Từ trước đến nay cụ chưa làm thủ tục tặng, cho, thừa kế, di chúc, chuyển nhượng và thế chấp cho bất cứ tổ chức cá nhân nào. Tuy nhiên đến năm 1995 con trai đầu là Lê Tiến T lại đứng tên trong sổ mục kê địa chính trên chính mảnh đất cụ đang ở, đến năm 2004 thì lại được UBND huyện Hoằng Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số U 704692, mang tên chồng Lê Tiến T, vợ Trần Thị H, số vào sổ 00204, ngày cấp 25/6/2004 với diện tích 212m².

Tháng 11 năm 2016 do trong gia đình có mâu thuẫn về việc chia đất đai do đó cụ mới được biết thửa đất mà cụ đang ở đã được cấp giấy chứng nhận cho con trai và con dâu, do vậy cụ đã làm đơn khởi kiện vụ án Hành chính yêu cầu hủy giấy chứng nhận đã cấp cho Lê Tiến T và Trần Thị H; Sau phiên đối thoại, UBND huyện Hoằng Hóa xét thấy việc cấp đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ cho Lê Tiến T và Trần Thị H là sai đối tượng, nên tại Quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2474/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND huyện Hoằng Hóa đã ban hành có các nội dung: Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Tiến T và bà Trần Thị H; Hướng dẫn bà Lê Thị M lập hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSDĐ theo quy định của pháp luật;

Sau khi có quyết định trên, nguyện vọng của cụ là được cấp lại giấy CNQSDĐ theo quy định của pháp luật, để cụ ủy quyền cho cháu nội là Lê Tiến D để cháu xây dựng nhà thờ lo hương khói cho tổ tiên từ đời này sang đời khác. Tất cả những người thuộc hàng thừa kế đều đồng T với ý kiến như vậy chỉ có anh Lê Tiến C là không đồng ý.

Do vậy cụ làm đơn khởi kiện yêu cầu được chia di sản thừa kế của cụ ông Lê Tiến T theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng cụ có 04 người con đẻ: Lê Tiến T (đã chết năm 2011); Lê Tiến L, sinh năm 1955; Lê Tiến T, sinh năm 1958; Lê Thị T, sinh năm 1960. Lê Tiến T có vợ là Trần Thị H đã chết năm 2016, có 04 người con là: Lê Tiến D, Lê Thị Q, Lê Tiến C và Lê Tiến V.

Thửa đất 345 tờ bản đồ số 01 tại hồ sơ 299/Ttg lập năm 1985 hiện nay tương ứng với hai thửa 152+153 tờ bản đồ số 45 bản đồ địa chính xã H.C, có diện tích

234,3m². Hiện tại cụ đang ở cùng với con gái là Lê Thị T trên căn nhà của cháu Lê Tiến D xây dựng trên thửa 152; tại thửa 153 trước đây có gia đình con trai Lê Tiến T và Trần Thị H ở nay hai người đã mất nên chỉ là nơi thờ cúng hiện nay không có ai ở.

Yêu cầu của cụ: Được chia di sản thừa kế của cụ ông Lê Tiến T là một nửa quyền sử dụng đất tại thửa 152 + 153, những người được hưởng di sản thừa kế nếu nhường lại kỷ phần cho bà thì bà sẽ nhận toàn bộ di sản của cụ T và có trách nhiệm giao lại kỷ phần mà anh C được hưởng bằng giá trị. Do hiện nay anh D là cháu đích tôn đã xây dựng nhà ở kiên cố để vợ chồng anh D sinh sống đồng thời nuôi bà và cô ruột nên cụ không yêu cầu gì đối với căn nhà của anh D đã xây trên đất của cụ, vì mục đích của cụ là cũng giao lại toàn bộ đất đai cho anh D để làm nhà thờ tổ tiên, dòng tộc. Do cụ là hộ nghèo, nên xin được M án phí;

2. *Bị đơn anh Lê Tiến C trình bày:* Bố anh là Lê Tiến T sinh năm 1950, mất năm 2011; mẹ là Trần Thị H (hay có tên gọi khác là Trần Thị O) sinh năm 1948, mất năm 2016. Trước đây thửa đất này thuộc quyền sử dụng của ai thì anh không biết nhưng từ khi sinh ra và lớn lên anh đã ở với bố mẹ trên thửa đất này. Năm 1999 thửa đất trên đứng tên bố anh, đến năm 2004 UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cả bố và mẹ; Năm 2008 bố anh có giấy ủy quyền cho anh, năm 2015 mẹ anh có di chúc cho anh toàn bộ thửa đất trên; Nay bố mẹ anh đều đã chết, nên anh có quyền được hưởng toàn bộ đất đai mà bố mẹ để lại theo giấy ủy quyền của bố mẹ và di chúc của mẹ anh cho anh. Anh không đồng ý chia di sản thừa kế cho bất kỳ ai.

Anh Lê Tiến C xuất trình 01 văn bản ủy quyền ngày 06/11/2008 do ông Lê Tiến T và bà Trần Thị H viết và 01 bản di chúc do bà Trần Thị H viết ngày 15/11/2015.

3. *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bao gồm:* Ông Lê Tiến L, Ông Lê Tiến T, bà Lê Thị T, anh Lê Tiến D, chị Lê Thị Q và anh Lê Tiến V đều có cùng nội dung trình bày và quan điểm về hàng thừa kế, di sản thừa kế và đều nhường kỷ phần thừa kế mà mình được hưởng cho bà M, được bao nhiêu nhường bấy nhiêu.

* Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/11/2017 thể hiện: Toàn bộ thửa đất mà cụ Lê Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là hai thửa 152+153 có diện tích 234,3m² tờ bản đồ số 45, bản đồ địa chính xã H.C; trước đây là thửa số 345 tờ bản đồ số 01, bản đồ 299/Ttg lập năm 1985 đứng tên chủ sử dụng Lê Thị M. Tại thửa số 152 có 01 căn nhà 2 tầng kiên cố là do anh Lê Tiến D xây dựng. Hiện sinh sống trong căn nhà này có vợ chồng anh D, cụ Lê Thị M và bà Lê Thị T (là con của bà M). Thửa 153 có 01 căn nhà mái lợp proxmăng do ông T và bà H xây dựng năm 1996, một nửa dùng làm nơi thờ cúng ông T và bà H, một nửa để xe ô tô của anh C. Ông T và bà H sinh sống từ năm 1987 cho đến khi hai người chết.

* Tại biên bản định giá ngày 28/11/2017, Hội đồng định giá đã định giá:

- Giá đất: $800.000\text{đ}/1\text{m}^2 \text{ đất} = 234,3\text{m}^2 \times 800.000\text{đ} = 187.440.000\text{đ}$.
- 01 căn nhà của anh D được định giá = 562.112.000đ.
- Nhà lợp proximăng tại thửa 153 xây dựng năm 1996 đã hết giá trị sử dụng nên HĐĐG không định giá.

* Tại bản án số 03/2018/DSST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa đã quyết định: Áp dụng: Điều 609, 649, 650, 651, 652 của BLDS 2015;

Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 2 Điều 5, khoản 1 điều 228, khoản 2 điều 147 BLTTDS.

Xử: 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị M.

2. Chấp nhận sự tự nguyện của các ông bà: Ông Lê Tiến L, ông Lê Tiến T, bà Lê Thị T, anh Lê Tiến D, chị Lê Thị Q, anh Lê Tiến V về việc từ chối hưởng di sản và nhường quyền hưởng di sản cho cụ Lê Thị M.

Giao cho cụ Lê Thị M được: Sử dụng toàn bộ diện tích đất ở 243,3m² tại thửa số 152+153 tờ bản đồ số 45, bản đồ địa chính xã H.C, huyện Hoàng Hóa tỉnh Thanh Hóa có kích thước và tứ cận: cạnh đông giáp hộ anh Vũ Văn L dài 18,84m; cạnh tây giáp hộ gia đình ông Lê Tiến Q dài 18,33m; Cạnh bắc giáp hộ gia đình ông Lê Văn H rộng 10,84m; cạnh nam giáp đường ĐH-HH16 (H.V-H.L-HĐ) rộng 14,22m có giá trị = 187.440.000đ và được sử hữu 01 gian nhà mái lợp proximăng có giá trị 0 đồng;

Không xem xét căn nhà anh D xây trên thửa đất 152 do cụ M không yêu cầu; Cụ Lê Thị M phải giao lại cho anh Lê Tiến C số tiền là 8.100.000đ; Cụ Lê Thị M có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo quy định của Luật đất đai.

- Án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 08/02/2018, anh Lê Tiến C kháng cáo bản án với nội dung:

- Không đồng ý việc trích công sức cho ông T và bà H (bố mẹ ông).
- Không đồng ý với việc định giá nhà cấp 4 Proximăng.
- Đề nghị công sức cho ông T, bà H bằng đất để anh lấy nơi thờ cúng.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá nên không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS, không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Tiến C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các đương sự, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Lê Tiến C vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, các bên không có T T được với nhau về nội dung tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét các nội dung kháng cáo:

2.1. Về nguồn gốc đất: Thửa đất 152+153 có nguồn gốc là thửa 345, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299/Ttg lập năm 1985, diện tích 231m², loại đất thổ cư, chủ sử dụng là cụ Lê Thị M. Đây là tài sản chung của vợ chồng cụ được tạo lập sau khi cụ và cụ ông Lê Tiến T kết hôn. Năm 1970, cụ Lê Tiến T qua đời nên đến năm 1985 khi lập hồ sơ địa chính 299/Ttg chỉ đứng tên chủ sử dụng là Lê Thị M.

Tương ứng với vị trí trên là thửa số 72, tờ bản đồ 06, bản đồ địa chính xã H.C lập năm 1996, diện tích 212m² là đất thổ cư đứng tên chủ sử dụng là ông Lê Văn T. Năm 2004 xã lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T và bà H (con trai và con dâu cụ M) đã không căn cứ vào hồ sơ 299/Ttg mà chỉ xem xét ở bản đồ địa chính để lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông T và bà H; Kiểm tra hồ sơ cấp giấy Giấy chứng nhận QSD đất cho ông Lê Tiến T và bà Trần Thị H không có bất cứ giấy tờ chuyển nhượng gì từ bà M sang ông T và bà H. Vì vậy, ngày 17/5/2017 UBND huyện Hoằng Hóa đã ra Quyết định số 2474/QĐ-UBND thu hồi quyết định cấp đất cho ông T và bà H. Do đó thửa đất 152+153 thuộc quyền sử dụng của cụ Lê Thị M và cụ Lê Tiến T.

2.2. Về quyền thừa kế: Ông Lê Tiến T và bà Lê Thị M có 04 người con gồm: Lê Tiến T (đã chết năm 2011), Lê Tiến L, Lê Tiến T và Lê Thị T. Cụ T không có con nuôi, không có bố mẹ nuôi, bố mẹ đẻ của cụ đều đã chết.

Ông Lê Tiến T chết có 04 người con gồm: Lê Tiến D, Lê Thị Q, Lê Tiến C và Lê Tiến V.

Cụ T chết không để lại di chúc nên toàn bộ tài sản của cụ T được chia theo quy định tại điều 649, điểm a khoản 1 điều 650 Bộ luật dân sự 2015.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ T gồm: Cụ M, ông T, ông L, ông T và bà T.

Do ông T đã chết năm 2011 (vợ đã chết năm 2016) nên các con ông T được hưởng kỹ phần thừa kế của ông T được hưởng từ cụ T, theo quy định “thừa kế thế vị” tại điều 652 của Bộ luật dân sự 2015; Phần di sản của cụ T để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất $117,15\text{m}^2 \times 800.000\text{đ/m}^2 = 93.720.000$ đồng.

Nếu chia di sản bằng diện tích đất 117,15m² cho các kỹ phần thì không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai, nên chia bằng giá trị cho các kỹ phần là đúng. Cấp sơ thẩm đã xét điều kiện, hoàn cảnh và nguyện vọng của cụ M cùng gia đình (những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án), giao phần đất thừa kế cho cụ M để làm nơi thờ cúng tổ tiên trong đó có cả ông T và bà H (bố mẹ anh C) là phù hợp. Vì vậy anh C kháng cáo đòi phần thừa kế bằng đất cho bố mẹ anh (đều đã chết) là không được chấp nhận.

Đối với bà H và ông T là người có thời gian dài sinh sống trên thửa đất 153 từ năm 1987 cho đến năm 2016, có công duy trì bảo quản tôn tạo đất nên án sơ thẩm đã trích phần công sức cho ông T và bà H như một kỹ phần thừa kế khác là phù hợp với thực tế.

[3]. Đối với nhà cấp 4 proximãng: Tại biên bản định giá ngày 28/11/2017, Hội đồng định giá đã định giá: “... Nhà lợp proximãng tại thửa 153 xây dựng năm 1996 đã

hết giá trị sử dụng nên HĐĐG không định giá...”. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, anh C không có khiếu nại và yêu cầu định giá lại, tại cấp phúc thẩm anh C không thống nhất, nhưng xét thấy Hội đồng định giá đã thực hiện đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của anh C.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Tiến C kháng cáo nhưng không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ mới nào mới so với cấp sơ thẩm đã xem xét, vì vậy: Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Tiến C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với các nội dung kháng cáo.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Lê Tiến C không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

* Áp dụng: Điều 609, 649, 650, 651, 652 của BLDS 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Tiến C, giữ nguyên quyết định của bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2018/HNGĐ-ST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa đối với các nội dung kháng cáo.

2. Án phí phúc thẩm: Anh Lê Tiến C phải nộp 300.000đ án phí phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005998 ngày 09/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Hoằng Hóa;;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã H.C, Hoằng Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Hùng